





CÔNG TY CỔ PHẦN XẾP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN
155 đường số 8, KDC Nam Long, P.Tân Thuận Đông, Q7, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2017



Tháng 04 năm 2018

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN XẾP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0310346174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 30/09/2010.
- Vốn điều lệ: 40.500.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 63.012.291.409 đồng
- Địa chỉ: 155 đường số 8, KDC Nam Long, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (028) 37831362, Số fax: (028) 38731261
- Website: sasteco.vn
- Mã cổ phiếu: SAC

**Quá trình hình thành và phát triển:*

- Tiền thân: Là Xí nghiệp Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn.
- Năm 2008: Thành lập trên cơ sở sáp nhập các bộ phận bốc xếp, giao nhận, cơ giới và một phần các bộ phận chuyên môn từ các công ty xếp dỡ cũ của Cảng Sài Gòn.
- Năm 2010: Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn và được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
- Năm 2011: Thay đổi người đại diện theo pháp luật và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ hai.
- Năm 2012: Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Logistics Tân Thuận Phong
- Năm 2013: Thành lập Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn tại Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Năm 2015: Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hải Tân Hưng Phúc
- Năm 2016: Tháng 04/2016, thay đổi người đại diện theo pháp luật, ông Phan Minh Trí được bổ nhiệm Tổng giám đốc thay thế ông Nguyễn Quốc Hưng.
- Năm 2016: Góp vốn thành lập Công ty CP Thương mại Dịch vụ vận tải Logistics Sài Gòn Bến Tre
- Năm 2017: Di dời trụ sở Công ty về 155 Đường số 8, KDC Nam Long, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan, dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ đóng gói;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác, dịch vụ vệ sinh tàu biển;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí. Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
- Bán và cho thuê thiết bị;
- Và các ngành nghề khác theo Giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 của Công ty.

- Địa bàn kinh doanh:

SASTEKO là đơn vị được ưu tiên hoạt động và chịu trách nhiệm xếp dỡ, giao nhận, đóng gói hàng hóa tại các cảng và các tuyến phao trực thuộc Cảng Sài Gòn.

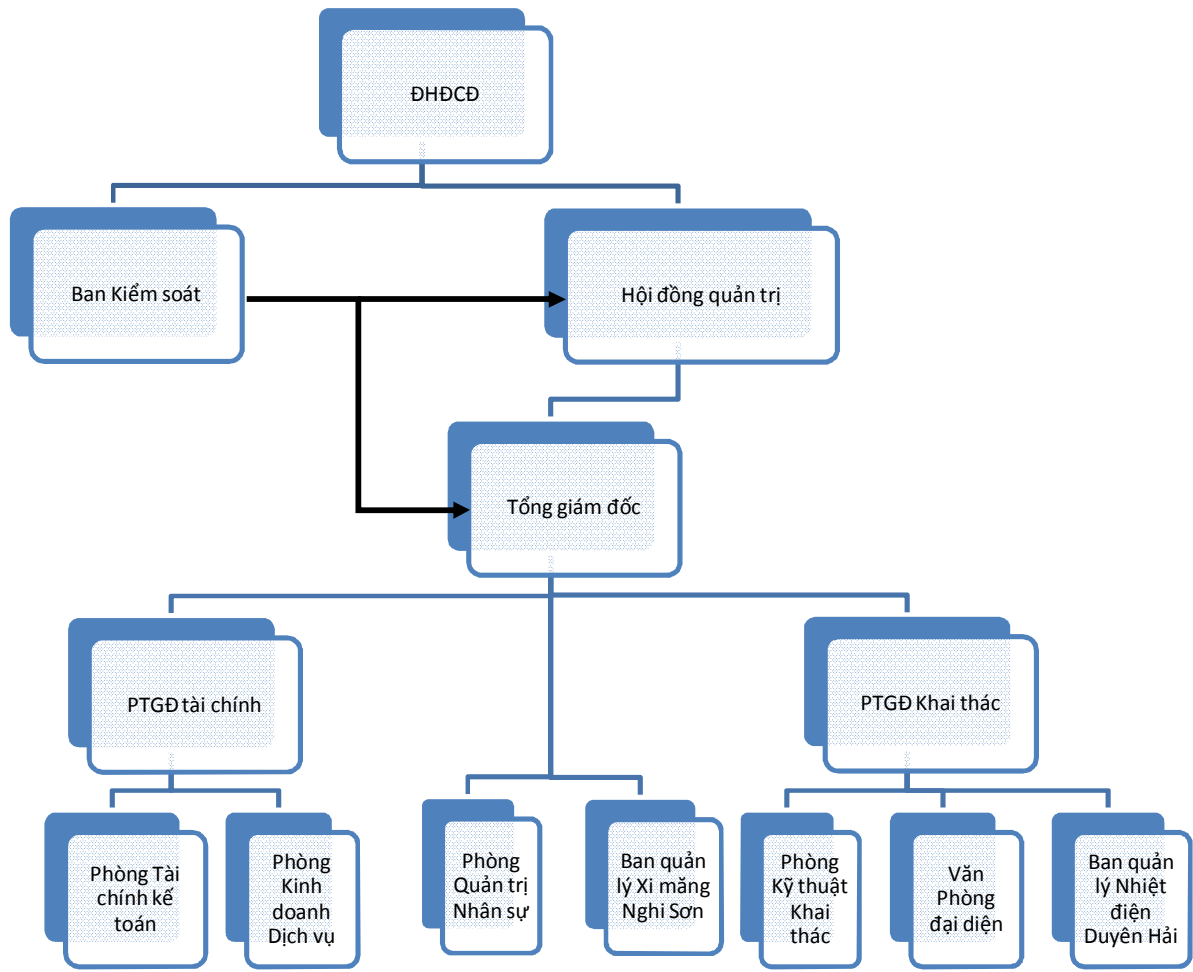
Ngoài Cảng Sài Gòn là địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ chủ yếu chiếm trên 55% doanh thu hàng năm của Công ty, Công ty còn triển khai mở rộng thị phần ra các cảng và bến phao khác ở khu vực TP. HCM bao gồm cảng Bến Nghé, Cảng Phú Hữu, Cảng Tân Thuận Đông, Cảng Rau Quả, Cảng Sài Gòn-Hiệp Phước...khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, khu vực Cái Mép – Thị Vải, Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (như SSIT, ODA Thị Vải, Interflours...), Nhà Máy nhiệt điện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1 Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy của Công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban Tổng giám đốc và các phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết:

+ Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Hưng Phúc

- Địa chỉ: B32 Nguyễn Thành Hiến, P18, Quận 4, TP. HCM
- Vốn điều lệ: 1.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 30%

Ngành nghề kinh doanh chính: Bốc xếp, giao nhận và đóng gói hàng hóa, Logistics,...

+ Công ty góp vốn

1/ Công ty Cổ phần Logistics Tân Thuận Phong

- Địa chỉ: Số 155 đường số 8, KDC Nam Long, P Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 10%

Ngành nghề kinh doanh chính: Bốc xếp, giao nhận và đóng gói hàng hóa, Logistics,...

2/ Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ vận tải Logistics Sài Gòn Bến Tre

- Địa chỉ: 155 đường số 8, KDC Nam Long, P Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- Vốn điều lệ: 1.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 20%

Ngành nghề kinh doanh chính: Bốc xếp, giao nhận và đóng gói hàng hóa, Logistics,...

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Từ khi được thành lập đến nay, SASTECO luôn tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh hướng tới các mục tiêu cụ thể như sau:

- Sử dụng nguồn vốn hiệu quả nhằm đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

- Khai thác cung cấp dịch vụ cảng biển nhằm đáp ứng nhu cầu của Cảng Sài Gòn và mở rộng hoạt động cung cấp dịch vụ đến các cảng khác trong khu vực.

- Tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông, thu hút nhà đầu tư, giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động, đóng góp vào ngân sách Nhà Nước theo đúng quy định.

- Phát triển thành một doanh nghiệp lớn mạnh, có khả năng cạnh tranh trong ngành và khu vực.

Với bề dày lịch sử lâu đời của Cảng Sài Gòn và kinh nghiệm xếp dỡ lâu năm làm đa dạng các mặt hàng tại các đơn vị trực thuộc Cảng Sài Gòn và nhiều khu vực khác, SASTECO định hướng trở thành một trong những đơn vị có thương hiệu tốt nhất trong việc cung cấp dịch vụ xếp dỡ tại cảng biển. Cùng với việc khẳng định vị trí, thương hiệu xếp dỡ hàng đầu tại các cảng khu vực TP. Hồ Chí Minh, SASTECO sẽ tiếp tục phát triển thị trường tại khu vực Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- + Trung hạn: Đầu tư, cải tiến trang thiết bị thay thế các trang thiết bị đã cũ và nâng cao năng lực của Công ty khi tham gia đấu thầu cung cấp dịch vụ tại khu vực Trà Vinh, Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và các khu vực khác.

- + Dài hạn: Phát triển thương hiệu và đẩy mạnh hoạt động Logistics, cho thuê phương tiện, trang thiết bị và mở rộng hoạt động ra các địa bàn hoạt động mới, đồng thời với việc kết hợp nhiều đơn vị có năng lực, uy tín cung cấp nguồn nhân lực nhằm đảm bảo thực hiện tốt các yêu cầu của khách hàng.

- Các mục tiêu phát triển bền vững đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Bên cạnh việc tập trung thực hiện các mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn quan tâm thực hiện các mục tiêu đối với môi trường và xã hội. SASTECO sẽ thực hiện nhiều chương trình chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động như: tổ chức các hoạt động phong trào văn hóa, thể thao, văn nghệ nhằm tạo không khí vui tươi sau những giờ làm việc; tổ chức thăm hỏi, tặng quà các trường hợp khó khăn... Ngoài ra, SASTECO cũng hướng tới việc tổ chức hoặc tài trợ các chương trình chăm lo đồng bào khó khăn, trẻ em nghèo hiếu học...

Công ty cam kết tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng, ủng hộ các hoạt động từ thiện, chia sẻ và giúp đỡ những khó khăn với cộng đồng (thiên tai, lũ lụt, người có công, trẻ em chất độc da cam, trẻ em khuyết tật....)

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro đặc thù ngành:

Rủi ro cạnh tranh: Công ty là đơn vị cung cấp dịch vụ xếp dỡ hàng hóa chủ yếu tại Cảng Sài Gòn. Trong các năm qua, Cảng Sài Gòn đã chịu sự cạnh tranh rất gay gắt từ các cảng trong

khu vực TP.HCM và Bà Rịa – Vũng Tàu, do đó cũng ảnh hưởng đến nguồn hàng của SASTECO. Đặc biệt, trong năm 2017, Cảng Nhà Rồng Khánh Hội – Chi nhánh của Cảng Sài Gòn, đơn vị chiếm khoảng 30% sản lượng của SASTECO phải di dời theo chủ trương của Nhà nước nên hàng hóa của các chủ hàng đang bốc dỡ tại cảng này sẽ phải chuyển hướng về các cảng khác, điều đó ảnh hưởng trực tiếp đến việc làm của người lao động, doanh thu và khả năng cạnh tranh của SASTECO.

Rủi ro cơ sở hạ tầng: Vận tải biển, khai thác và dịch vụ cảng được coi là một ngành công nghiệp dịch vụ, làm gia tăng giá trị hàng hóa thông qua việc di chuyển hàng hóa đó từ nơi này đến nơi khác. Đầu tư xây dựng cảng biển thường cần đến sự đồng bộ của kết cấu hạ tầng giao thông quốc gia, nhưng có thể thấy, hệ thống giao thông tại Việt Nam chưa được đảm bảo, chất lượng cơ sở hạ tầng còn kém,... gây nhiều khó khăn, bất cập đối với ngành cảng biển nói chung và SASTECO nói riêng. Bên cạnh đó, Cảng biển phát triển đi đôi với quá trình lấn biển tạo quỹ đất và không gian cho xây dựng bến bãi, kho hàng cùng với việc mở rộng và phát triển đô thị cũng đòi hỏi các doanh nghiệp hoạt động trong ngành cảng biển cần vốn đầu tư lớn để phát triển hơn nữa.

Rủi ro sản phẩm thay thế: Vận tải biển vẫn là phương thức phổ biến nhất trong các phương thức vận tải bởi nhiều điểm thuận lợi của nó về tiết kiệm chi phí, vận chuyển được nhiều, những loại hàng hóa công kênh và khối lượng lớn. Tuy nhiên, hệ thống giao thông đường bộ ngày càng được phát triển, các hệ thống đường cao tốc, cầu nối,... được chú trọng đầu tư hơn thì vận chuyển bằng đường bộ ít nhiều có thể thay thế. Mặc dù, việc thay thế trong vận chuyển đường bộ không thể nào thay thế hoàn toàn được vận chuyển đường biển nhưng cũng ảnh hưởng phần nào đến hoạt động của doanh nghiệp trong ngành.

Rủi ro phát sinh từ nội bộ: SASTECO đã có những đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị, chú trọng nâng cao năng suất lao động. Ngoài ra, nhân sự cần được chú trọng, đào tạo bài bản, cần nâng cao trình độ hơn nữa. Hơn nữa, với đặc tính tập trung vào đầu mối, khi nhân viên nghỉ việc, Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc gây dựng quan hệ với khách hàng. Do đó, Công ty có các chương trình đào tạo và nâng cao trình độ nhân viên, đồng thời có những chính sách quan tâm người lao động, động viên khuyến khích nhân viên gắn bó với Công ty. Công tác bóc xếp hàng hóa của Công ty đòi hỏi số lượng lao động phổ thông lớn, đặc biệt là trong những thời gian cao điểm, tàu cập cầu cảng nhiều. Vì vậy, rủi ro về nhân sự luôn là vấn đề được Công ty đặc biệt chú trọng. Làm việc ở cảng biển tiềm ẩn nhiều rủi ro và nguy hiểm, ảnh hưởng bởi các yếu tố độc hại; chịu áp lực từ việc đảm bảo năng suất xếp dỡ từ các cảng, chủ hàng. Do vậy, Công ty luôn nhắc nhở nhân viên không được lơ là, tuân thủ nghiêm ngặt các quy tắc an toàn lao động, các quy trình được đặt ra nhằm đảm bảo công việc không những được thuận lợi, đạt năng suất mà còn hạn chế xảy ra những vấn đề trực tiếp ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của người lao động. Nếu rủi ro này xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng đến hình ảnh Công ty cũng như làm tăng các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để giải quyết các vấn đề trên.

5.2. Rủi ro thay đổi chính sách:

Chính phủ có thể can thiệp vào việc phân luồng hàng hải, giãn mật độ cảng hoặc thậm chí là di dời cảng. Do các cảng nằm sâu trong nội thành Sài Gòn – khu vực thường xuyên xảy ra tắc nghẽn giao thông, áp lực đi lại nhất là giờ cao điểm. Một khi, lượng hàng dồn về đây quá nhiều sẽ khiến cho các cấp quản lý phải có những chính sách giải quyết để đảm bảo cho giao thông trong đô thị. Điển hình, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đang đệ trình phương án xây dựng cầu Thủ Thiêm 4 bắt ngang Cảng Tân Thuận (đơn vị chiếm khoảng 30% sản lượng xếp dỡ của SASTECO). Nếu cầu Thủ Thiêm 4 được Chính phủ chấp thuận triển khai, thì Cảng Tân Thuận sẽ phải di dời sang địa điểm khác và hoạt động sản xuất kinh doanh của SASTECO cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Ngoài ra, những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô, bao gồm chậm trễ trong cắt giảm thuế xuất nhập khẩu theo lộ trình gia nhập WTO, trong dự án cầu cảng, những thay đổi trong chính sách xuất nhập khẩu, cũng có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

5.3. Rủi ro luật pháp:

SASTEKO là doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, Công ty chịu sự chi phối của các Luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật Thuế, Luật Lao động, Luật chứng khoán,... Việc nghiên cứu để có được sự hiểu biết và vận dụng theo tinh thần của Luật là việc được Công ty luôn chú trọng để chấp hành đúng đảm bảo hoạt động của Công ty một cách thuận lợi nhất.

Ngoài ra, SASTEKO là công ty đại chúng và được niêm yết trên sàn Upcom nên các hoạt động của Công ty cần phải công khai, minh bạch và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của Chính phủ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

5.4. Rủi ro khác:

Ngoài các rủi ro nêu trên, những rủi ro như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh,... tuy xác suất xảy ra không cao nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại rất lớn về vật chất và con người cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	Nội dung	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Tỷ lệ % 2017/2016	TỶ LỆ % TH/KH
Doanh thu						
1	Kinh doanh chính	189.846.612.497	175.900.000.000	163.863.044.556	86,31%	93,16%
2	Lãi tài chính	1.051.685.363	600.000.000	1.067.614.645	101,51%	177,94%
	Tổng cộng	190.898.297.860	176.500.000.000	164.930.659.201	86,40%	93,45%
Chi phí						
1	Giá vốn	15.081.439.818	14.000.000.000	11.499.163.170	76,25%	82,14%
2	Chi phí lương toàn công ty	71.114.273.566	51.000.000.000	49.149.566.065	69,11%	96,37%
	Lương ban điều hành	1.161.600.000	1.080.000.000	1.296.000.000	111,57%	120,00%
3	Chi thuê nhân công ngoài	41.777.249.004	50.400.000.000	46.094.054.363	110,33%	91,46%
4	2% KPCĐ	612.688.260	550.000.000	477.196.470	77,89%	86,76%
5	18%BHXH, 3% BHYT, 1%BHTN	6.742.816.620	6.000.000.000	5.272.571.356	78,20%	87,88%
6	Nhiên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	8.653.273.537	8.160.000.000	7.643.462.134	88,33%	93,67%
7	Khấu hao TSCĐ	4.244.580.372	4.500.000.000	6.115.008.026	144,07%	135,89%
8	Sửa chữa phương tiện, thiết bị	2.330.635.635	2.300.000.000	2.807.319.954	120,45%	122,06%
9	Ăn giữa ca	1.190.680.000	800.000.000	1.125.435.000	94,52%	140,68%
10	Chi phí chung khác	2.219.702.695	1.500.000.000	1.297.823.427	58,47%	86,52%
11	Điện, nước	401.229.089	350.000.000	383.869.593	95,67%	109,68%
12	Thuê phương tiện thiết bị, công cụ dụng cụ	15.757.539.001	17.000.000.000	14.284.371.522	90,65%	84,03%
13	Tiền thuê đất	364.500.000	480.000.000	192.000.000	52,67%	40,00%
14	Chi phí quản lý	8.646.126.024	8.920.000.000	5.052.696.035	58,44%	56,64%
	Tổng cộng	180.298.333.621	167.040.000.000	152.690.537.115	84,69%	91,41%
Kết quả sản xuất kinh doanh						
1	Vốn điều lệ	40.500.000.000	40.500.000.000	40.500.000.000		

2	Tổng doanh thu	190.898.297.860	176.500.000.000	164.930.659.201	86,40%	
3	Tổng chi phí	180.298.333.621	167.040.000.000	152.690.537.115	84,69%	
4	Lợi nhuận SXKD trong năm	10.599.964.238	9.460.000.000	12.240.122.086	115,47%	129,39%
	Hoàn nhập lãi khoản lương dự phòng năm trước không chi	4.172.457.820		3.392.769.919		
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	14.772.422.058	9.460.000.000	15.632.892.005	105,82%	165,25%
6	Thu nhập từ hỗ trợ di dời			10.630.799.581		
7	Thuế TNDN	2.732.289.048	1.892.000.000	5.297.537.083	193,89%	280,00%
8	Lợi nhuận sau thuế	12.040.133.010	7.568.000.000	20.966.154.503	174,14%	277,04%
9	Quỹ phúc lợi, khen thưởng (10%)	1.204.013.301	756.800.000	1.033.535.492		
10	Quỹ đầu tư phát triển (4%)	481.605.320	302.720.000	413.414.197		
11	Quỹ hoạt động của HĐQT (1.5%)	180.601.995	113.520.000	155.030.324		
12	Thưởng Ban quản lý - điều hành	300.000.000	151.360.000	193.500.000		
13	Lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ	9.873.912.394	6.243.600.000	19.170.674.490	193,08%	307,05%
14	Cổ tức	12,00%	10,00%	10,00%	83,33%	100,00%
15	Lợi nhuận để lại sau khi chia cổ tức	5.013.912.394	2.193.600.000	15.219.774.490	301,43%	
Sản lượng (tấn)		14.780.105	13.000.000	14.714.835	99,56%	113,19%
Thu nhập bình quân (đ/người/tháng) - có lương tháng 13		8.514.856	8.500.000	8.613.818	101,16%	101,34%

Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chính của Công ty năm 2017 đạt 163.046 triệu đồng, bằng 86,31% so với năm 2016 và bằng 93,16% so với kế hoạch đề ra. Doanh thu thuần giảm là do một phần ảnh hưởng của việc di dời khu Cảng Nhà Rồng – Khánh Hội, bên cạnh đó, do cạnh tranh với các đơn vị kinh doanh cùng ngành nghề nên giá dịch vụ tại nhiều khu vực giảm, như tại Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Cảng SSIT... dẫn đến doanh thu toàn Công ty giảm so với kế hoạch và năm 2016.

Năm 2017, Công ty đã đàm phán với Công ty TNHH Đầu tư phát triển đô thị Ngọc Viễn Đông (Chủ đầu tư thực hiện dự án chuyển đổi công năng khu Cảng Nhà Rồng – Khánh Hội) về việc bồi thường tài sản gắn liền trên đất và hỗ trợ di dời. Theo đó, trong tổng lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2017 là 26.263 triệu đồng, có đến 10.630 triệu đồng tiền hỗ trợ di dời của Công ty Ngọc Viễn Đông. Ngoài ra, mặc dù doanh thu thực hiện năm 2017 thấp hơn so với năm 2016, nhưng với sự cố gắng của Ban điều hành trong việc tiết giảm các chi phí (chi phí quản lý, chi phí lương...) đã góp phần giúp lợi nhuận thuần tăng 15,47% so với năm 2016 và vượt 29,39% so với kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

Stt	Họ và tên	Tóm tắt lý lịch	Chức vụ	Số CP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu CP(%)
01	Ông Phan Minh Trí	Ngày sinh: 10/06/1962.	Tổng giám đốc	41.500	1,025

		Quê quán: Hà Nội			
		Trình độ chuyên môn: Kỹ sư			
02	Ông Phan Công Dân	Ngày sinh: 01/05/1966. Quê quán: Đồng Tháp Trình độ chuyên môn: Cử nhân	Phó tổng giám đốc	4.700	0,116%
03	Bà Trương Thu Hà	Ngày sinh: 12/09/1970 Quê quán: Quảng Trị Trình độ chuyên môn: Cử nhân	Phó tổng giám đốc, Đồng thời là Thành viên Hội đồng quản trị	5.300	0,13%

- Những thay đổi trong Ban điều hành:

STT	Họ Tên	Chức vụ cũ	Chức vụ mới	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Văn Lập	Trưởng phòng Tài chính Kế toán	Nghỉ hưu	Từ ngày 31/10/2017

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	111	
1	Trình độ trên đại học	1	0.9%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	47	42.34%
3	Trình độ trung cấp	11	9.91%
4	Công nhân kỹ thuật	32	28.83%
5	Lao động phổ thông	20	18.02%
II	Theo loại hợp đồng lao động	111	
1	Hợp đồng không thời hạn	46	41.44%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	7	6.31%

3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	58	52.25%
III	Theo giới tính	111	
1	Nam	92	82.88%
2	Nữ	19	17.12%

Ngày 12/10/2017, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh có Quyết định số 5422/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 cho phép chuyển mục đích sử dụng đất Khu cảng Nhà Rồng – Khánh Hội của Cảng Sài Gòn. Theo đó, Công ty đã giải quyết cho 469 người lao động nghỉ việc hưởng chế độ hỗ trợ di dời của Nhà nước với tổng số tiền hỗ trợ được Bộ Tài chính chấp thuận là 44.665.680.000 đồng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư trong năm: Trong năm 2017 Công ty đầu tư mua sắm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chi tiết như sau:

stt	Diễn giải	Đvt	Thành tiền
1	Khung nâng hàng tôn cuộn 30T	Cái	67.000.000
2	Khung nâng hàng tôn cuộn 30T	Cái	67.000.000
3	Vỏ container 20 feet đã qua sử dụng	Cái	33.000.000
4	Băng tải nâng hạ 3 mét	Cái	40.000.000
5	Càng nâng đơn cho xe nâng 15T	Cái	38.500.000
6	Càng nâng đơn cho xe nâng 15T	Cái	38.500.000
7	Xe nâng hàng 13,5 tấn, hiệu Kalmar, model 136-6, năm sản xuất 2002, sản xuất tại Thụy Điển, SK: T331032061, SM: 21536744	Cái	1.500.000.000
8	Xe nâng hàng 13,5 tấn, hiệu Kalmar, model 136-6, năm sản xuất 2002, sản xuất tại Thụy Điển, SK: T331032059, SM: 21536742	Cái	1.500.000.000
9	Xe đầu kéo + rờ moóc số 1, năm sx: 1997, SK:76003, SM:45528704, Rờ moóc hiệu CPT, SK: CD00004	Cái	735.000.000
10	Xe đầu kéo + rờ moóc số 2, năm sx: 2000, SK:301842, SM:46052840, Rờ moóc hiệu Jupiter, SK: 960000347	Cái	735.000.000
11	Xe đầu kéo + rờ moóc số 3, năm sx: 2001, SK:301835, SM:46032007, Rờ moóc hiệu Tong Hua, SK: 097814	Cái	735.000.000
12	Xe đầu kéo + rờ moóc số 4, năm sx: 2001, SK:303854, SM:46165958, Rờ moóc hiệu Tong Hua, SK: 106123	Cái	735.000.000

13	Xe Toyota ZACE GL 7 chỗ ngồi sk:F3-6907846, SM: 7K 0669457;Sdk:	Cái	242.403.636
14	Khung nâng hàng tôn cuộn 30T, kiểu móc đôi	Cái	79.000.000
15	Máy đào bánh xích hiệu Kobelco Model 120-3, số khung: LP16165, số máy: 122064	Cái	680.000.000
16	Máy đào bánh xích hiệu Komatsu Model PC120-6, số khung: PC120-45074, số máy: 152130.	Cái	780.000.000
17	Vỏ Container 20 feet làm kho chứa 2147508	Cái	30.625.000
18	Vỏ Container 20 feet làm kho chứa 6894596	Cái	30.625.000
19	Vỏ Container 20 feet làm kho chứa 3787073	Cái	30.625.000
20	Vỏ Container 20 feet làm kho chứa 3665033	Cái	30.625.000
21	Khung nâng hàng tôn cuộn 30T	Cái	76.000.000
22	Khung nâng hàng tôn cuộn 30T	Cái	76.000.000
23	Khung đa năng kéo gàu ngoạm 40T	Cái	113.000.000

b) Các công ty con, công ty liên kết, đầu tư:

STT	Các khoản đầu tư	Số tiền (đồng)
1	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn Tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm	18.000.000.000
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.120.000.000
	Đầu tư vào công ty liên kết - CTCP Dịch vụ Hàng hải Tân Hưng Phúc	300.000.000
	Đầu tư vào đơn vị khác - CTCP Logistics Tân Thuận Phong	500.000.000
	- Cty CP TMDV VT Sài Gòn Bến Tre	200.000.000
	- Cổ phiếu Công ty CP Cảng Quy Nhơn	620.000.000
	- Tiền gửi kỳ hạn trên 1 năm	500.000.000
Tổng cộng		20.120.000.000

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu (triệu đồng)	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng tài sản	Đồng	85.327.289.557	92.154.839.285	8%
Doanh thu thuần	Đồng	188.781.118.526	163.046.140.561	-14%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Đồng	14.028.928.517	15.058.098.241	7%
Lợi nhuận khác	Đồng	743.493.542	11.205.593.345	1407%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	14.772.422.059	26.263.691.586	78%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	12.040.133.011	20.966.154.503	74%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,74	2,19	
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,73	2,16	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	0,39	0,32	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	0,63	0,46	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	389,60	19,48	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,21	1,77	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,06	0,13	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,23	0,33	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,14	0,23	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,07	0,16	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mã cổ phiếu: SAC
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

- Tổng số cổ phần: 4.050.000.000 CP
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 4.050.000 CP
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 3.950.900 CP
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 99.100 CP

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%/VĐL)
I	Cổ đông trong nước	298	3.942.300	39.423.000.000	97,34%
1	Cổ đông nhà nước	01	2.082.800	20.828.000.000	51,43%
2	Cổ đông tổ chức	08	817.500	8.175.000.000	20,19%
3	Cổ đông cá nhân	289	1.042.000	10.420.000.000	25,73%
II	Cổ đông nước ngoài	04	8.600	86.000.000	0,21%
1	Cổ đông tổ chức	02	5.000	50.000.000	0,09%
2	Cổ đông cá nhân	02	3.600	36.000.000	0,12%
III	Cổ phiếu quỹ		99.100	991.000.000	2,45%
Tổng cộng		302	4.050.000	40.500.000.000	100,00%

Cổ đông lớn:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng (CP)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	Số 3 Nguyễn Tất Thành Phường 12 - Quận 4 TPHCM	2.082.800	20.828.000.000	51,43%
2	CTCP Vật Tư Nông Sản	Số 14 Ngô Tất Tố. Văn Miếu. Q. Đống Đa. Hà Nội	202.500	2.025.000.000	5,00%
3	Công ty CP TM và đầu tư Thịnh Vượng Việt Nam	Số 877 Hồng Hà, Phường Chương Dương, Quận Hoàn Kiếm, Việt Nam	324.500	3.245.000.000	8,01%
Tổng cộng			2.609.800	26.098.000.000	64,44%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: *Không có*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 99.100 cổ phần

- Giá trị: 609.600.000 đồng.

- Tỷ lệ: 2,45% vốn điều lệ.

Trong tháng 01, 02 năm 2018, Công ty có làm thủ tục bán cổ phiếu quỹ, tuy nhiên không có nhà đầu tư đăng ký mua.

e) Các chứng khoán khác: Không phát sinh

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Báo cáo liên quan đến vấn đề môi trường:

Hiện nay việc bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ của Đảng, Nhà nước, toàn dân và toàn xã hội. Do đó, Công ty luôn quan tâm đến vấn đề môi trường, hướng đến sử dụng những năng lượng sạch, không gây ô nhiễm môi trường. Đầu tư trang thiết bị hiện đại là để đồng thời tăng năng suất làm việc, tiết kiệm thời gian và giữ gìn môi trường xung quanh. Công ty luôn cử người đi đào tạo, tìm hiểu về các vấn đề môi trường, có trình độ chuyên môn để đánh giá các chỉ tiêu môi trường; thông qua đó, Công ty có những chính sách, phương hướng điều chỉnh thích hợp để cân bằng sản xuất kinh doanh có hiệu quả và sử dụng các nguồn tài nguyên xung quanh một cách hợp lý, kiểm soát ô nhiễm.

6.2. Chính sách liên quan đến người lao động:

Về tiền lương

- Nhờ sự cố gắng không ngừng của Ban điều hành Công ty trong việc tiếp thị, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tìm kiếm nguồn hàng, triển khai thực hiện dịch vụ mới đã mang lại nguồn doanh thu cho Công ty và việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động, qua đó đảm bảo đời sống vật chất, cũng như tinh thần của từng công nhân viên.

- Công ty thực hiện việc tính đúng, đủ và chi trả tiền lương đúng thời hạn quy định tại Quy chế trả lương và Thỏa ước lao động tập thể Công ty.

- Bên cạnh đó, Công ty cũng đã thực hiện việc cải tiến, linh hoạt trong việc quy định và chi trả tiền lương cho người lao động. Trong đó, ban hành các quy định mới về tiền lương như: khoán lương cho bảo vệ, lái xe ô tô con, khoán lương - nhiên liệu cho lái xe cơ giới, quy định tiền lương cố định cho công nhân lái xe cơ giới... Qua đó, công tác tiền lương đảm bảo hài hòa lợi ích của người lao động và hiệu quả hoạt động của Công ty, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động.

- Ngoài tiền lương được nhận hàng tháng, CBCNV còn được nhận thưởng nhân các ngày lễ, Tết, kỷ niệm như: Ngày Chiến thắng 30/4, ngày Quốc khánh 02/9, ngày thành lập Công ty 01/10, Tết dương lịch, Tết Nguyên đán, hoàn thành kế hoạch...

- Thu nhập bình quân năm 2017 của công nhân viên là: 8,613,878 đồng/người/tháng, là một trong những đơn vị có bình quân thu nhập cao trong các công ty cổ phần có vốn góp của Cảng Sài Gòn.

Công tác chăm lo đời sống cho CBCNV

- Đảm bảo đời sống thu nhập cho cán bộ công nhân viên, bổ sung lương vào những tháng có sản lượng thấp.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% CBCNV.

- Tổ chức cho hơn 160 CBCNV tham quan nghỉ dưỡng tại Mũi Né, Phan Thiết với kinh phí hơn 222 triệu đồng.

- Tổ chức tặng quà cho công nhân viên nhân dịp Tết Trung Thu, Tết Nguyên đán. Thăm viếng và chi trợ cấp khó khăn, đột xuất cho các trường hợp CBCNV bị ốm đau, tai nạn, tử tuất. Thăm hỏi và tặng quà cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn dịp Tết cổ truyền, ngày quốc tế lao động và ngày thành lập Công ty.

6.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn hướng tới chia sẻ sự khó khăn với những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, giúp họ có được điều kiện vật chất để trang trải cuộc sống, đồng thời giúp con em của họ được cấp sách đến trường. Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của Công ty thực hiện nhiều phong trào, đợt hoạt động vì cộng đồng, đàn em: ủng hộ đồng bào miền Trung bị lũ lụt, thăm tặng quà cho con em gia đình khó khăn tại Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng...

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2017, sự ra đời của một số cảng tư nhân, cùng với chính sách giảm giá, tranh giành khách hàng dẫn đến cạnh tranh gay gắt trong nước.

Mặc dù trong năm 2017, được sự quan tâm của các cơ quan quản lý, cộng với sự ủng hộ của các đối tác, sự sâu sát của Hội đồng quản trị tạo điều kiện thuận lợi để Công ty vượt qua khó khăn thách thức. Từ đó, dẫn đến dù công ty đã không hoàn thành chỉ tiêu doanh thu năm 2017 nhưng lợi nhuận công ty vẫn đạt vượt kế hoạch.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đvt: VND

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2016	NĂM 2017
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	188.781.118.526	163.046.140.561
2	Giá vốn bán hàng	153.758.077.637	132.628.136.802
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.023.040.889	30.418.003.759
4	Doanh thu hoạt động tài chính	1.051.685.363	1.067.614.645
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	22.045.797.735	16.427.520.163
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	14.028.928.517	15.058.098.241
7	Lợi nhuận khác	743.493.542	11.205.593.345
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.772.422.059	26.263.691.586
9	Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.732.289.048	5.297.537.083
10	Lợi nhuận sau thuế TNDN	12.040.133.011	20.966.154.503
11	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.744	5.045

Năm 2017, Doanh thu hoạt động kinh doanh dịch vụ chính đạt 163.046 triệu đồng, doanh thu hoạt động tài chính đạt 1.067 triệu đồng, lợi nhuận khác đạt 11.206 triệu đồng. Lợi nhuận trước thuế đạt 26.264 triệu đồng (trong đó có 10.630 triệu đồng lợi nhuận từ tiền hỗ trợ di dời của Công ty Ngọc Viễn Đông). So với kế hoạch đề ra năm 2017 thì doanh thu đạt 93,4% kế hoạch, lợi nhuận đạt 129,39% kế hoạch. So với kết quả kinh doanh năm 2016 thì tổng doanh thu giảm 13,6%, lợi nhuận trước thuế tăng 15,47%. Doanh thu giảm là do trong năm 2017, doanh thu tại một số khu vực như Trà Vinh, Phú Mỹ giảm. Ngoài ra, mặc dù doanh thu thực hiện năm 2017 thấp hơn so với năm 2016, nhưng với sự cố gắng của Ban điều hành trong việc tiết giảm các chi phí (chi phí quản lý, chi phí lương,..) đã góp phần giúp lợi nhuận trước thuế tăng.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

(ĐVT: VNĐ)

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	TH 2017/ TH 2016	Tỷ trọng năm 2016	Tỷ trọng năm 2017
Tài sản ngắn hạn	57.132.568.342	63.814.462.471	111,69%	66,93%	69,24%
Tài sản dài hạn	28.239.721.215	28.340.736.814	100,35%	33,07%	30,76%
Tổng tài sản	85.372.289.557	92.154.839.285	107,94%	100%	100%

Tổng tài sản năm 2017 là 92.154 triệu đồng, tăng 7,94% so với năm 2016. Toàn bộ tài sản được hình thành từ vốn chủ sở hữu chứng tỏ khả năng tự chủ về tài chính của công ty rất tốt. Trong tổng tài sản, tài sản ngắn hạn là: 63.184 triệu đồng, chiếm 69,24% tổng tài sản, tài sản ngắn hạn tăng 11,69% so với năm 2016. Tài sản dài hạn là: 28.341 triệu đồng, chiếm 30,76% tổng tài sản, tài sản dài hạn tăng 0,35% so với năm 2016.

b) Tình hình nợ phải trả:

(ĐVT: VNĐ)

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	TH 2017/ TH 2016	Tỷ trọng năm 2016	Tỷ trọng năm 2017
Nợ ngắn hạn	33.128.931.835	29.109.877.876	87,87%	99,94%	99,89%
Nợ dài hạn	16.675.000	32.670.000	195,92%	0,06%	1,11%
Tổng nợ phải trả	33.145.606.835	29.142.547.876	87,92%	100%	100%

Nợ phải trả năm 2017 là 29.109 triệu đồng, giảm 12,11% so với cùng kỳ năm trước. Nợ phải trả giảm chủ yếu do nợ ngắn hạn giảm, trong đó nguyên nhân chính từ chỉ tiêu phải trả người lao động giảm 9.710 triệu đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2017, cùng với việc triển khai thực hiện dịch vụ tại các cảng, đơn vị, đối tác, Công ty đã phát động nhiều phong trào thi đua, khuyến khích CBCNV các đơn vị trực thuộc thực hành tiết kiệm, đề xuất các ý tưởng, giải pháp, sáng kiến nhằm nâng cao năng suất lao động, tăng cường khả năng cạnh tranh của Công ty. Qua đó, Hội đồng sáng kiến Công ty đã công nhận và đề xuất Công ty khen thưởng cho 03 sáng kiến và 05 giải pháp kỹ thuật với số tiền thưởng 120.000.000 đồng

Bên cạnh đó, Công ty đã phát động nhiều phong trào thi đua trong toàn thể CBCNV lập thành tích chào mừng các ngày lễ, kỷ niệm của đất nước và Công ty. Qua đó đã tạo không khí hăng hái thi đua sôi nổi trong cán bộ công nhân viên, góp phần hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2017.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Tiếp tục củng cố và giữ vững dịch vụ tại các đơn vị Công ty đang cung cấp dịch vụ. Đồng thời, đẩy mạnh việc tiếp thị và triển khai cung cấp dịch vụ các cảng, khu vực mới, đặc biệt là các cảng khu vực Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đẩy mạnh hoạt động tiếp thị cho thuê phao, cung cấp dịch vụ logistics..

- Đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất, đầu tư thay thế các trang thiết bị cũ, công suất thấp nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động và hạn chế các chi phí sửa chữa.

Căn cứ kế hoạch di dời Cảng Nhà Ròng Khánh Hội, cùng với các khó khăn trong thời gian tới, Ban điều hành Công ty đã đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2018 như sau:

+ Sản lượng bốc xếp: 14,65 triệu tấn

+ Doanh thu: 153 tỷ đồng

+ Lợi nhuận trước thuế đạt 12 tỷ đồng

+ Cổ tức: 10%.

+ Thu nhập bình quân (có lương tháng 13): 9.5 triệu đồng/người/tháng.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

5.1 Về cơ cấu, nhân sự:

- Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện thủ tục giải quyết nghỉ việc cho 469 CBCNV hưởng chế độ di dời theo Quyết định số 46/2010/QĐ-TTg ngày 24/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó:

+ Tổng số CBCNV của Công ty tại thời điểm ngày 12/10/2017 là 582 người, trong đó:

. Gián tiếp: 60 người

. Phục vụ: 108 người

. Trực tiếp: 414 người

+ Tổng số CBCNV của Công ty tại thời điểm ngày 01/01/2018 là 112 người, trong đó:

. Gián tiếp: 37 người (Giảm 23 người)

. Phục vụ: 51 người (Giảm 57 người)

. Trực tiếp: 24 người (Giảm 390 người)

- Căn cứ số lượng nhân sự còn lại của các đơn vị sau khi giải quyết nghỉ di dời, Ban điều hành Công ty đã tiến hành sắp xếp lại cơ cấu các phòng ban và đơn vị trực thuộc như: Sáp

nhập Phòng Tổ chức Tiền lương và Phòng Hành chính Tổng hợp thành lập Phòng Quản trị Nhân sự; Sáp nhập Phòng Kỹ thuật Cơ giới và Phòng Khai thác thành lập Phòng Kỹ thuật Khai thác và tinh giản các tổ trực thuộc của các đơn vị phù hợp với số lượng CBCNV chính thức còn lại.

Qua việc định biên cơ cấu tổ chức, nhân sự của các đơn vị trực thuộc sau di dời đã góp phần hợp lý hóa sản xuất, tiết giảm các chi phí sản xuất. Đồng thời, công ty đã phối hợp với các đơn vị vệ tinh cung cấp nhân lực làm hàng tại các cảng và nhanh chóng ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo nhân sự làm hàng đáp ứng yêu cầu của các cảng.

5.2 Các hoạt động phong trào:

- Cử CBCNV tham gia Hội thao do Cảng Sài Gòn tổ chức.
- Cử CBCNV tham gia Phiên chợ âm thực nhân ngày 20/10 do Công đoàn – Đoàn thanh niên Cảng Sài Gòn tổ chức.
- Công đoàn, Đoàn Thanh niên Công ty tổ chức chương trình Trung thu cho con em CBCNV Công ty với hơn 30 em tham gia.
- Hỗ trợ Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội cựu chiến binh Công ty tổ chức thực hiện nhiều hoạt động phong trào nhằm tạo sự đoàn kết, tinh thần vui tươi cho CBCNV sau những ngày làm việc mệt nhọc và thực hiện công tác xã hội tại địa phương và các tỉnh lân cận.

5.3 Những mặt còn tồn tại:

- Công ty đã ban hành các quy chế, quy định và tuyên truyền, phổ biến, nhắc nhở các đơn vị trực tiếp sản xuất về việc tuân thủ quy trình sản xuất, an toàn lao động nhưng tai nạn lao động và sự cố kỹ thuật vẫn xảy ra nhiều. Mặc dù những tai nạn, sự cố trên không gây thiệt hại về người nhưng cũng đã ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người lao động, hình ảnh, uy tín của Công ty và Cảng Sài Gòn. Nguyên nhân xuất phát chủ yếu từ việc chủ quan, thiếu ý thức của công nhân.

- Việc chấp hành quy định về trang phục bảo hộ lao động của công nhân trực tiếp sản xuất còn kém.

- Nhân sự hiện nay của công ty vẫn chưa ổn định khi phần lớn công nhân trực tiếp sản xuất (lao động nghỉ việc di dời) đang ký hợp đồng với các đơn vị vệ tinh và làm việc theo sự điều động của Công ty. Trong những người lao động này, có một số trường hợp không chấp hành sự điều động, không tuân thủ nội quy lao động của công ty nên hiệu quả làm việc chưa cao.

- Bên cạnh đó, việc cảng Nhà Rồng - Khánh Hội chưa di dời hoàn toàn dẫn đến việc nhân sự, trang thiết bị của công ty phải dàn trải nhiều khu vực, gây khó khăn trong việc quản lý và điều động trang thiết bị, nhân sự.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong năm 2017, đứng trước rất nhiều khó khăn do phải thực hiện di dời khu Cảng Nhà Rồng – Khánh Hội như việc giảm sản lượng, doanh thu tại khu vực Cảng Nhà Rồng – Khánh Hội, di dời trụ sở, trang thiết bị của Công ty, giải quyết chế độ nghỉ việc của người lao động... nhưng với sự quyết tâm, đoàn kết, tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn đã hoàn tất việc di dời tạm văn phòng và giải quyết nghỉ việc cho 469 người lao động. Đồng thời, Ban điều hành Công ty cũng triển khai phát triển dịch vụ thêm nhiều địa bàn như Cảng Interflours, Cảng Cần Thơ... nhằm bù đắp sản lượng, doanh thu sụt giảm từ các khu vực truyền thống.

Bên cạnh việc phát triển dịch vụ, Công ty cũng quản lý tốt các chi phí sản xuất, đầu tư trang thiết bị tập trung, có hiệu quả và chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, đồng thời, phối hợp tốt với các tổ chức chính trị - xã hội trong đơn vị phổ biến cụ thể những chủ trương, chế độ của nhà nước liên quan đến việc di dời. Qua đó, mặc dù phải thực hiện di dời nhưng hiệu quả hoạt động, lợi nhuận của Công ty cao hơn so với năm 2016.

Ngoài ra, Công ty cũng hỗ trợ các tổ chức chính trị - xã hội trong đơn vị thực hiện nhiều chương trình vì cộng đồng, xã hội như chương trình hỗ trợ trẻ em, đồng bào khó khăn tại Lâm Hà, Lâm Đồng, trao quà cho trẻ em nghèo học giỏi tại Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM...

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tiến hành các hoạt động giám sát đối với Tổng giám đốc như sau:

- Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Ban Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo trực tiếp Tổng giám đốc nhằm đảm bảo việc thực thi đúng và đầy đủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 và đầu tư 2017; Xây dựng và triển khai thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư trong năm 2018;

- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc triển khai và hoàn tất công tác kiểm toán cho năm tài chính 2016 và công bố các thông tin theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc có giải trình về các nội dung liên quan đến công tác tài chính, đầu tư, kế hoạch kinh doanh... Đồng thời, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc khẩn trương trong công tác di dời trụ sở, cơ sở sản xuất và triển khai phổ biến chế độ hỗ trợ di dời đến người lao động.

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn vào lúc 08 giờ 00 ngày 27 tháng 4 năm 2017 tại Hội trường Công ty. Đồng thời, tổ chức thành công việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, thay đổi trụ sở Công ty, công tác di dời, bàn giao mặt bằng khu Cảng Nhà Rồng – Khánh Hội và miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị của bà Nguyễn Thị Phương Nga.

- Hội đồng quản trị phối hợp cùng Ban Kiểm soát để họp bàn cùng Ban Tổng giám đốc Công ty để kịp thời giải quyết những vướng mắc, khó khăn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đặc biệt là đưa ra những định hướng cho việc di dời Công ty.

Đánh giá chung: Ban Tổng giám đốc và đội ngũ quản lý là những người có năng lực, đoàn kết, với tinh thần trách nhiệm cao, hăng say trong công việc và luôn tuân thủ, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, đã tổ chức chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng kế hoạch sản xuất kinh doanh và định hướng đầu tư phát triển được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tuy nhiên, do địa bàn hoạt động của Công ty trải dài nhiều nơi nên trong nhiều thời điểm Ban điều hành chưa thực hiện tốt việc điều hành sản xuất tại một số khu vực, đặc biệt Công ty nhận phản ánh rất nhiều từ các cảng, đối tác, khách hàng về việc thiếu nhân lực trong quá trình cung cấp dịch vụ. Vì vậy, trong thời gian tới, Ban điều hành cần phải phân công cụ thể nhiệm vụ quyền hạn của từng thành viên, trong đó trọng tâm vào việc đảm bảo nhân lực và chất lượng dịch vụ tại các khu vực sản xuất, đặc biệt là các cảng trực thuộc Cảng Sài Gòn, khu vực Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Nắm bắt chặt chẽ, theo sát diễn biến thị trường để có những giải pháp linh hoạt, ứng phó kịp thời với tình hình, đưa ra những định hướng phát triển đúng đắn, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.

- Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Công ty trên mọi lĩnh vực; đảm bảo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý của công ty nhằm đáp ứng yêu cầu về quản trị doanh nghiệp của Công ty đại chúng; chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty.

- Xem xét đánh giá kỹ các dự án đầu tư, xây dựng cơ bản trước khi triển khai nhằm đảm bảo tính hiệu quả của việc thực hiện dự án, phát huy tốt nhất việc sử dụng đồng vốn. Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn thực hiện công tác mời thầu, đấu thầu, chấm thầu đúng quy định Nhà nước.

- Tiếp tục hoàn thiện, ban hành mới các quy chế, quy định làm cơ sở cho công tác chỉ đạo điều hành và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách tiền lương để người lao động được trả lương tương xứng với công sức và trình độ; đảm bảo thu hút và giữ được người lao động có trình độ chuyên môn tay nghề cao.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Họ Tên	Chức vụ	Năm sinh	Quê Quán	Trình độ học vấn	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
Nguyễn Quốc Hưng	Chủ tịch	1971	Quảng Trị	Thạc sỹ	- Là đại diện vốn cho Công ty CP Cảng Sài Gòn - Cổ phần đại diện: 1.275.800 CP - Sở hữu cá nhân: 3.000 CP	TV không điều hành
Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	1963	Thái Bình	Tiến sỹ	- Sở hữu cá nhân: 0 CP (0%) - Đại diện vốn CTCP Vật tư Nông sản: 202.500 CP (5%)	TV không điều hành
Nguyễn Thị Phương Nga	Thành viên	1963	Hà Nội	Thạc sỹ	- Sở hữu cá nhân: 0 CP (0%) - Đại diện vốn Công ty CP Cảng Sài Gòn: 0 CP	Miễn nhiệm ngày 10/11/2017

					(0%)	
Trương Thu Hà	Thành viên	Xem Danh sách Ban điều hành (Phần Tổ chức và Nhân sự)				
Lê Văn Hóa	Thành viên	1967	Trà Vinh	Kỹ sư	- Sở hữu cá nhân: 9.900 CP (0,22%) - Đại diện vốn Công ty CP Cảng Sài Gòn: 819.900 CP (20,75%)	TV không điều hành

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị có bộ phận Thư ký với biên chế là 01 người, thực hiện các công việc theo phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị như: tham gia Ban thư ký trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; tham dự và lập biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị; dự thảo và trình Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành nghị quyết, quyết định; lưu giữ hồ sơ, tài liệu, công văn... của Hội đồng quản trị.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2017, do tập trung thực hiện di dời trụ sở Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn và các cơ sở sản xuất, bàn giao mặt bằng Khu cảng Nhà Rông Khánh Hội theo chủ trương của Nhà nước nên Hội đồng quản trị Công ty chỉ tổ chức được 02 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Công ty. Trong đó, nội dung của các cuộc họp cụ thể như sau :

- Cuộc họp ngày 11/4/2017, thông qua các nội dung: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2016; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017; Kế hoạch phân phối lợi nhuận, cổ tức năm 2016; Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016 và kế hoạch năm 2017; Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017; Bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Công ty... nhất trí trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua các vấn đề trên. Ngoài ra, tại cuộc họp này, Hội đồng quản trị cũng đã thông qua nội dung kế hoạch quỹ lương Ban điều hành, chi phí tiếp thị, đơn giá tiền lương năm 2017 của Công ty.

- Cuộc họp ngày 01/8/2017, thông qua các nội dung: Báo cáo kết quả hoạt động 06 tháng đầu năm 2017; điều chỉnh kế hoạch đầu tư năm 2017, phương án di dời...

Ngoài ra, giữa các cuộc họp, Hội đồng quản trị đã tổ chức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản nhằm thông qua các vấn đề thuộc trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng quản trị. Trong đó, Hội đồng quản trị đã tổ chức 19 đợt lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền.

* Năm 2017, Hội đồng quản trị đã ban hành các quyết định sau:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
01	17/NQ-HĐQT	07/02/2017	Về việc thông qua Thang lương – bảng lương Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn
02	45/NQ-HĐQT	07/3/2017	Về việc thanh lý tài sản của Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn
03	50/NQ-HĐQT	20/03/2017	Về việc thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn
04	91/NQ-HĐQT	12/4/2017	Về việc quyết toán Quỹ tiền lương Ban điều hành năm 2016 của Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn
05	93/NQ-HĐQT	13/4/2017	Về nội dung Phiên họp ngày 11 tháng 4 năm 2017
06	104/NQ-HĐQT	28/4/2017	Về việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn
07	105/NQ-HĐQT	28/4/2017	Về nhân sự lãnh đạo các đơn vị trực thuộc
08	105a/NQ-HĐQT	28/4/2017	Về việc ban hành Quy chế sửa đổi bổ sung Quy chế tài chính Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn
09	113/NQ-HĐQT	08/5/2017	Về việc chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức năm 2016 và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc bổ sung ngành nghề, thay đổi trụ sở và sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn
10	139/NQ-HĐQT	19/6/2017	Về phương án bổ nhiệm Kế toán trưởng
11	140/NQ-HĐQT	19/6/2017	Về việc mua đấu giá 02 phà vận chuyển đã qua sử dụng
12	142/NQ-HĐQT	26/6/2017	Về việc đầu tư 02 xe nâng 13,5 tấn đã qua sử dụng
13	149/NQ-HĐQT	07/7/2017	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017
14	150/NQ-HĐQT	07/7/2017	Về việc bổ nhiệm Phó Trưởng Phòng Tài chính Kế toán
15	166/NQ-HĐQT	31/7/2017	Về việc đầu tư 04 xe đầu kéo rơ moóc đã qua sử dụng
16	168/NQ-HĐQT	04/8/2017	Về nội dung Phiên họp ngày 01 tháng 8 năm 2017
17	194/NQ-HĐQT	12/9/2017	Về chi phí bồi thường, hỗ trợ di dời

18	195/NQ-HĐQT	19/9/2017	Về việc chốt danh sách cổ đông để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về mức hỗ trợ di dời của Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn
19	203/NQ-HĐQT	25/9/2017	Về việc đầu tư 02 xe cuốc bánh xích dung tích gàu 0.5m ³ đã qua sử dụng
20	228/NQ-HĐQT	30/9/2017	Về việc hạch toán chi phí di dời vào kết quả SXKD 06 tháng đầu năm 2017
21	708/NQ-HĐQT	01/11/2017	Về phương án sắp xếp cơ cấu tổ chức, nhân sự của các đơn vị trực thuộc
22	709/NQ-HĐQT	01/11/2017	Về sắp xếp cơ cấu tổ chức, nhân sự lãnh đạo của các đơn vị trực thuộc
23	710/QĐ-HĐQT	01/11/2017	Về việc thành lập Phòng Kỹ thuật Khai thác
24	711/QĐ-HĐQT	01/11/2017	Về việc thành lập Phòng Quản trị Nhân sự
25	721/NQ-HĐQT	22/11/2017	Về việc thông qua và trình Bộ Tài chính phê duyệt Phương án hỗ trợ nghỉ việc cho người lao động do thực hiện di dời Khu cảng Nhà Rồng Khánh Hội theo Quyết định số 46/2010/QĐ-TTg
26	723/NQ-HĐQT	01/12/2017	Về nhân sự Văn phòng đại diện
27	734/NQ-HĐQT	25/12/2017	Về việc bán cổ phiếu quỹ

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban điều hành và tình hình của Công ty. Năm 2017, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

- Bà Trương Thu Hà

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Họ Tên	Chức vụ	Năm sinh	Quê Quán	Trình độ học vấn	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
Trần Thu Giang	Trưởng Ban	1972	Bến Tre	Cử nhân	- Sở hữu cá nhân: 1.000 (0.022%) - Đại diện vốn: 0 CP (0%)	

Nguyễn Anh Thành	Thành viên	1960	Nam Định	Trung cấp	- Sở hữu cá nhân: 5.000 CP (0,123%) - Đại diện vốn: 0 CP (0%)	
Nguyễn Ngọc Tâm	Thành viên	1976	Bình Định	Cử nhân	- Sở hữu cá nhân: 0 - Đại diện vốn: 0 CP (0%)	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, triển khai kiểm tra và giám sát các mặt hoạt động của Công ty với những nội dung sau :

1- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty; xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý.

2- Kiểm soát Báo cáo Tài Chính; giám sát Ban Điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính; kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động của công ty ; kiểm soát chi phí, doanh thu, việc sử dụng vốn trong các khoản mục đầu tư của các dự án; thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại Hội đồng cổ đông thường niên.

3-Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban Kiểm soát đã tham dự các cuộc họp với HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc ban hành trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương Đại hội cổ đông. Trong các cuộc họp, Ban kiểm soát đã trình bày các quan điểm của mình về công tác SXKD, công tác quản lý doanh thu, chi phí và một số công tác khác.

* Một số hoạt động cụ thể của Ban Kiểm soát trong năm 2017 như sau :

- Tham dự các phiên họp của HĐQT

- Từ ngày 09/08 – 11/08/2017, kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính 6 tháng đầu năm 2017 của Công ty.

- Từ ngày 27/11-29/11/2017, kiểm tra các hoạt động tài chính và tiền lương của công ty giai đoạn từ tháng 07-10/2017.

- Từ ngày 14/03/2018-15/03/2018, kiểm tra các hoạt động tài chính của công ty quý 4/2017.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

(ĐVT:VNĐ)

	Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao/ Lợi ích khác	Tổng cộng
Hội Đồng	Nguyễn Quốc Hưng	Chủ tịch		79.582.334	60.000.000	139.582.334

Quản Trị	Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên		58.277.634	48.000.000	106.277.634
	Nguyễn Thị Phương Nga	Thành viên		58.047.634	44.000.000	102.047.634
	Trương Thu Hà	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám Đốc	222.599.999	62.779.495	48.000.000	333.379.494
	Lê Văn Hóa	Thành viên		44.798.423	48.000.000	92.798.423
	Võ Hoàng Giang	Thành viên nhiệm kỳ 2010-2016		13.249.211 (Được chi từ Quỹ Thưởng Ban quản lý – điều hành năm 2016)		13.249.211
	Nguyễn Minh Thế	Thư ký Hội Đồng Quản Trị	143.355.339	9.000.000	30.000.000	182.355.339
	CỘNG:			365.955.338	325.734.731	278.000.000
Ban Điều hành	Phan Minh Trí	Tổng Giám Đốc	277.200.000	45.425.868		322.625.868
	Phan Công Dân	Phó Tổng Giám Đốc	222.600.000	34.069.401		256.669.401
	Trương Thu Hà	Phó Tổng Giám Đốc				0
CỘNG:			499.800.000	79.495.269	0	579.295.269
Ban Kiểm Soát	Trần Thu Giang	Trưởng ban		11.400.000	38.000.000	49.400.000
	Nguyễn Anh Thành	Thành viên	143.735.270	9.000.000	30.000.000	182.735.270
	Nguyễn Ngọc Tâm	Thành viên		9.000.000	34.000.000	43.000.000
CỘNG:			143.735.270	29.400.000	102.000.000	275.135.270
TỔNG CỘNG:			1.009.490.608	434.630.000	380.000.000	1.824.120.608

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Thúy Vinh	Vợ ông Nguyễn Quốc Hưng-Chủ tịch HĐQT	58.900	1,45%	2.000	0,05%	Bán
2	Đỗ Kim Lộc	Chồng bà Trương Thu Hà- Phó tổng GD	57.100	1,41%	10.100	0,25%	Bán

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Trong năm, Hội đồng quản trị thực hiện đầy đủ và nghiêm túc quy định pháp luật, Điều lệ về quản trị Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán: Theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán kèm theo

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Kèm theo

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của công ty 



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHAN MINH TRÍ

**CPA
HANOI**

AicA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÉP DỠ
VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
ĐT: (84) 24 3974 5080/81/82 * Fax: (84) 24 3974 5083
Email: cpahanoi1999@gmail.com * Website: www.cpahanoi.com

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XẾP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN XÉP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

Số 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long, Phường Tân Thuận
Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 -05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-33
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-33

CÔNG TY CỔ PHẦN XÉP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

Số 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long, Phường Tân Thuận
Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công Ty Cổ Phần Xếp Dỡ và Dịch Vụ Cảng Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công Ty Cổ Phần Xếp Dỡ và Dịch Vụ Cảng Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0310346174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 28 tháng 06 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Hưng	Chủ tịch	
Ông Lê Văn Hóa	Ủy viên	
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Phương Nga	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 10/11/2017
Bà Trương Thu Hà	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Minh Trí	Tổng Giám đốc
Ông Phan Công Dân	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trương Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thu Giang	Trưởng ban
Ông Nguyễn Ngọc Tâm	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Thành	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA Hà Nội) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XẾP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

Số 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long, Phường Tân Thuận
Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Phan Minh Trí
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÀNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 24 3974 5080/81/82

Email: cpahanoi1999@gmail.com

Fax: (84) 24 3974 5083

Website: www.cpahanoi.com



Số: 93 /2018/BCKT/BCTC/CPA HA NOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công Ty Cổ Phần Xếp Dỡ và Dịch Vụ Cảng Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công Ty Cổ Phần Xếp Dỡ và Dịch Vụ Cảng Sài Gòn được lập ngày tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính .

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Xếp Dỡ và Dịch Vụ Cảng Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính



Lê Văn Dò

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0231-2018-016-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Lê Văn Tuấn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1695-2018-016-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		63.314.462.471	57.132.568.342
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	27.408.218.855	21.774.221.835
1. Tiền	111		9.408.218.855	9.774.221.835
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.000.000.000	12.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.000.000.000	4.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		15.000.000.000	4.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.885.196.956	29.798.837.641
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	18.539.204.916	27.137.797.305
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	33.220.000	355.504.050
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.312.772.040	2.305.536.286
IV. Hàng tồn kho	140	8	1.021.046.660	394.654.903
1. Hàng tồn kho	141		1.021.046.660	394.654.903
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	1.164.853.963
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	-	1.164.853.963
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.840.376.814	28.239.721.215
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		132.000.000	697.072.486
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	132.000.000	697.072.486
II. Tài sản cố định	220		25.943.497.368	25.418.437.093
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	25.727.559.925	25.095.606.650
- Nguyên giá	222		69.735.935.135	68.241.540.343
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(44.008.375.210)	(43.145.933.693)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	215.937.443	322.830.443
- Nguyên giá	228		427.572.000	427.572.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(211.634.557)	(104.741.557)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.120.000.000	1.620.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		300.000.000	300.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.320.000.000	1.320.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		500.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		644.879.446	504.211.636
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	644.879.446	504.211.636
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		92.154.839.285	85.372.289.557

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		29.142.547.876	33.145.606.835
I. Nợ ngắn hạn	310		29.109.877.876	33.128.931.835
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	6.950.231.220	6.273.927.340
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	4.783.231.582	1.982.258.811
3. Phải trả người lao động	314		10.536.460.470	20.246.712.770
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	480.489.223	1.590.388.241
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	145.823.833	423.814.943
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	16	3.950.900.000	-
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.262.741.548	2.611.829.730
II. Nợ dài hạn	330		32.670.000	16.675.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	32.670.000	16.675.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		63.012.291.409	52.226.682.722
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	63.012.291.409	52.226.682.722
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.500.000.000	40.500.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>40.500.000.000</i>	<i>40.500.000.000</i>
2. Cổ phiếu quỹ	415		(609.600.000)	(609.600.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.573.110.036	2.159.695.839
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.548.781.373	10.176.586.883
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		92.154.839.285	85.372.289.557

Lê Dũng Hiệp
Kế toán trưởng

Lê Dũng Hiệp
Kế toán trưởng



Phan Minh Trí
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN XÉP ĐỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒNSố 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	163.046.140.561	188.781.118.526
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		163.046.140.561	188.781.118.526
4. Giá vốn hàng bán	11	19	132.628.136.802	153.758.077.637
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.418.003.759	35.023.040.889
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.067.614.645	1.051.685.363
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	16.427.520.163	22.045.797.735
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.058.098.241	14.028.928.517
11. Thu nhập khác	31	22	11.447.703.576	1.065.493.971
12. Chi phí khác	32	23	242.110.231	322.000.429
13. Lợi nhuận khác	40		11.205.593.345	743.493.542
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.263.691.586	14.772.422.059
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	5.297.537.083	2.732.289.048
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.966.154.503	12.040.133.011
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	5.045	2.743
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Lê Dũng Hiệp
Người lậpLê Dũng Hiệp
Kế toán trưởngPhan Minh Trí
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp trực tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		187.965.342.006	189.636.106.123
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(121.116.227.562)	(84.606.528.525)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(55.590.472.702)	(64.050.788.205)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(3.177.510.143)	(2.099.817.220)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		18.842.376.107	4.533.598.588
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(21.099.509.939)	(33.731.920.282)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.823.997.767	9.680.650.479
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(8.392.903.636)	(11.818.759.999)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.034.754.545	626.239.426
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(147.500.000.000)	(110.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		158.500.000.000	127.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(200.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		909.228.344	735.695.504
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.551.079.253	5.843.174.931
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.741.080.000)	(3.950.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.741.080.000)	(3.950.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		5.633.997.020	11.572.925.410
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		21.774.221.835	10.201.296.425
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3	27.408.218.855	21.774.221.835



Lê Dũng Hiệp
Người lập



Lê Dũng Hiệp
Kế toán trưởng



Phan Minh Trí
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN XẾP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

Số 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Xếp Dỡ và Dịch Vụ Cảng Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0310346174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 28 tháng 06 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 40.500.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 40.500.000.000 đồng; tương đương 4.050.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ vận tải hàng hóa

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khách hàng liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ Đại lý vận tải biển. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Hoạt động của Đại lý làm thủ tục hải quan. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ Logistic;

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Tân Hưng Phúc	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số .

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÉP DỖ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

Số 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty hoặc trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ/hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

CÔNG TY CỔ PHẦN XÉP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

Số 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÉP DỖ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

Số 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
- Máy móc, thiết bị	05 - 13
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
- Tài sản cố định khác	05 - 08
- Quyền sử dụng đất	20 - 50
- Phần mềm quản lý	03 - 05

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÉP DỖ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

Số 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả phản ánh số cổ tức 2017 Công ty tạm tính để trả cho các Cổ đông theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 93/NQ-HĐQT ngày 13/4/2017

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÉP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

Số 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÉP DỖ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

Số 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn được coi là bên liên quan vì tổ chức này tham gia góp vốn thành lập Công ty, có khả năng kiểm soát, có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty.

Chi nhánh Cảng Nhà Rồng KH; Chi nhánh Cảng Tân Thuận, Chi nhánh Cảng Tân Thuận 2; Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu; Cảng hành khách tàu biển; CN Hải Phòng; Xí nghiệp lai dắt tàu biển được coi là bên liên quan vì cùng là Đơn vị trực thuộc Công ty CP Cảng Sài Gòn.

Công ty CP Dịch vụ hàng hải Tân Hưng Phúc được coi là bên liên quan vì là Công ty liên kết của Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 5; 12; 18; 30

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	253.558.898	76.659.812
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.154.659.957	9.697.562.023
Các khoản tương đương tiền	18.000.000.000	12.000.000.000
	<u>27.408.218.855</u>	<u>21.774.221.835</u>

Tại 31/12/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 18.000.000.000 VND được gửi tại các Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Cát Lái với lãi suất từ 5.1%/năm đến 5.2 %/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÉP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

Số 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	15.000.000.000	15.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	15.000.000.000	15.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Đầu tư dài hạn	500.000.000	500.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	500.000.000	500.000.000	-	-
	15.500.000.000	15.500.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	300.000.000	300.000.000	-	300.000.000	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hải						
- Tân Hưng Phúc	300.000.000	300.000.000	-	300.000.000	300.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	1.320.000.000	1.320.000.000	-	1.320.000.000	1.320.000.000	-
Công ty Cổ phần Logistic Tân Thuận						
- Phong	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-
Công ty Thương mại Dịch vụ Vận tải						
- Logistic Sài Gòn Bến Tre	200.000.000	200.000.000	-	200.000.000	200.000.000	-
- Công ty CP Cảng Quy Nhơn	620.000.000	620.000.000	-	620.000.000	620.000.000	-
	1.620.000.000	1.620.000.000	-	1.620.000.000	1.620.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XẾP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

Số 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty CP Liên kết Toàn Cầu PWT	1.297.227.472	3.077.953.839
- Cảng Tân Thuận	4.946.112.194	2.126.403.152
- Công ty Nhiệt Điện Duyên Hải	7.158.144.544	2.126.403.152
- Các khoản phải thu khách hàng khác	5.137.720.706	19.807.037.162
	18.539.204.916	27.137.797.305
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	18.539.204.916	27.137.797.305
	18.539.204.916	27.137.797.305
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
CN Cảng Nhà Rồng	1.406.086.590	6.976.757.149
CN Cảng Tân Thuận	4.946.112.194	2.047.653.025
CN Cảng Tân Thuận 2	465.967.528	6.236.137
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	-	-
	6.818.166.312	9.030.646.311

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội	27.500.000	-	-	-
- Chi nhánh Công ty TNHH Môi trường Tươi sáng	5.720.000	-	-	-
- Công ty TNHH Nội thất Unique Décor	-	-	355.504.050	-
	33.220.000	-	355.504.050	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÉP DỖ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

Số 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	42.814.922	-	28.220.818	-
Tạm ứng	151.962.727	-	140.483.835	-
Dự thu lãi tiền vay	158.386.301	-	-	-
Phải thu khác	959.608.090	-	2.136.831.633	-
	1.312.772.040	-	2.305.536.286	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	132.000.000	-	697.072.486	-
	132.000.000	-	697.072.486	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	55.776.820	-	75.576.294	-
Hàng hoá	21.727.998	-	14.627.198	-
Công cụ dụng cụ	943.541.842	-	304.451.411	-
	1.021.046.660	-	394.654.903	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÉP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

Số 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	4.355.220.193	6.726.108.727	56.637.265.647	403.297.266	119.648.510	68.241.540.343
- Mua trong năm	-	40.000.000	8.319.903.636	33.000.000	-	8.392.903.636
- Thanh lý, nhượng bán	4.142.100.193	625.128.712	2.131.279.939	-	-	6.898.508.844
Số dư cuối năm	213.120.000	6.140.980.015	62.825.889.344	436.297.266	119.648.510	69.735.935.135
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	2.701.154.650	4.114.213.100	35.902.211.010	330.299.193	98.055.740	43.145.933.693
- Khấu hao trong năm	145.757.803	678.952.828	5.121.358.872	49.706.763	12.338.760	6.008.115.026
- Thanh lý, nhượng bán	(2.775.162.053)	(247.899.392)	(2.122.612.064)	-	-	(5.145.673.509)
Số dư cuối năm	71.750.400	4.545.266.536	38.900.957.818	380.005.956	110.394.500	44.008.375.210
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	1.654.065.543	2.611.895.627	20.735.054.637	72.998.073	21.592.770	25.095.606.650
Tại ngày cuối năm	141.369.600	1.595.713.479	23.924.931.526	56.291.310	9.254.010	25.727.559.925

CÔNG TY CỔ PHẦN XÉP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

Số 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	-	427.572.000	427.572.000
Số dư cuối năm	-	427.572.000	427.572.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	104.741.557	104.741.557
- Khấu hao trong năm	-	106.893.000	106.893.000
Số dư cuối năm	-	211.634.557	211.634.557
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	322.830.443	322.830.443
Tại ngày cuối năm	-	215.937.443	215.937.443

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước khác	-	1.164.853.963
	-	1.164.853.963
b) Dài hạn		
Chi phí trả trước dài hạn khác	644.879.446	504.211.636
	644.879.446	504.211.636

CÔNG TY CỔ PHẦN XÉP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

Số 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty CP DVHH Tân Hưng	2.686.088.553	2.686.088.553	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại vận tải bến xe Phú Lộc	2.236.173.533	2.236.173.533	2.478.805.989	2.478.805.989
Công ty TNHH DV Hàng Hải Tân Hiệp Phát	759.451.132	759.451.132	790.112.250	790.112.250
Phải trả các đối tượng khác	1.268.518.002	1.268.518.002	3.005.009.101	3.005.009.101
	6.950.231.220	6.950.231.220	6.273.927.340	6.273.927.340
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Tân Hưng Phúc	2.686.088.553	2.686.088.553	124.890.920	124.890.920
	2.686.088.553	2.686.088.553	124.890.920	124.890.920

CÔNG TY CỔ PHẦN XEP DỖ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

Số 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	974.998.439	8.504.711.492	7.892.855.304	-	1.586.854.627
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	944.168.810	5.300.240.065	3.177.510.143	-	3.066.898.732
Thuế Thu nhập cá nhân	-	63.091.562	388.215.324	321.828.663	-	129.478.223
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	1.982.258.811	14.196.166.881	11.395.194.110	-	4.783.231.582

Số thuế Giá trị gia tăng bị truy thu và thuế Thu nhập doanh nghiệp bị phạt chậm nộp theo QĐ 1150/QĐ-CCT ngày 29/3/2017 của Chi cục thuế Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh lần lượt là 1.340.482 VND và 2.702.982 VND

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÉP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

Số 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
- Chi phí làm hàng	480.489.223	1.144.884.191
- Chi thường sáng kiến kỹ thuật	-	101.000.000
- Chi phí sửa chữa Nhà thuê tại Q7	-	344.504.050
	<u>480.489.223</u>	<u>1.590.388.241</u>

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	26.563.980	148.902.620
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	119.259.853	274.912.323
	<u>145.823.833</u>	<u>423.814.943</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	32.670.000	16.675.000
	<u>32.670.000</u>	<u>16.675.000</u>

16 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
- Cổ tức dự tính chia 2017	3.950.900.000	-
	<u>3.950.900.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÉP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

Số 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	40.500.000.000	(609.600.000)	1.678.090.519	302.674.488	41.871.165.007
Số tăng trong năm	-	-	481.605.320	12.040.133.011	12.521.738.331
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	12.040.133.011	12.040.133.011
Phân phối lợi nhuận	-	-	481.605.320	-	481.605.320
Số giảm trong năm	-	-	-	2.166.220.616	2.166.220.616
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	2.166.220.616	2.166.220.616
Số dư cuối năm trước	40.500.000.000	(609.600.000)	2.159.695.839	10.176.586.883	52.226.682.722
Số dư đầu năm nay	40.500.000.000	(609.600.000)	2.159.695.839	10.176.586.883	52.226.682.722
Số tăng trong năm	-	-	413.414.197	20.966.154.503	21.379.568.700
Lãi/lỗ trong năm này	-	-	-	20.966.154.503	20.966.154.503
Phân phối lợi nhuận	-	-	413.414.197	-	413.414.197
Số giảm trong năm	-	-	-	10.593.960.013	10.593.960.013
Trả cổ tức 2016	-	-	-	4.741.080.000	4.741.080.000
Tạm tính cổ tức 2017	-	-	-	3.950.900.000	3.950.900.000
Giảm khác	-	-	-	1.901.980.013	1.901.980.013
Số dư cuối năm này	40.500.000.000	(609.600.000)	2.573.110.036	20.548.781.373	63.012.291.409

CÔNG TY CỔ PHẦN XÉP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

Số 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long,
 Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 93/NQ-HĐQT ngày 13/4/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	12.040.133.011
Trích Quỹ đầu tư phát triển	4,00%	481.605.320
Trích Quỹ hoạt động của HĐQT	1,50%	180.601.995
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,00%	1.204.013.301
Trích trưởng Ban điều hành	2,49%	300.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	82,01%	9.873.912.395

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty CP Cảng Sài Gòn	51,43%	20.828.000.000	51,43%	20.828.000.000
Công ty CP Vật tư nông sản	5,00%	2.025.000.000	5,00%	2.025.000.000
Các cổ đông khác	43,57%	17.647.000.000	43,57%	17.647.000.000
	100%	40.500.000.000	100%	40.500.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40.500.000.000	40.500.000.000
- Vốn góp đầu năm	40.500.000.000	40.500.000.000
- Vốn góp cuối năm	40.500.000.000	40.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	8.691.980.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	4.741.080.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	3.950.900.000	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.050.000	4.050.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.050.000	4.050.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.050.000	4.050.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	99.100	99.100
- Cổ phiếu phổ thông	99.100	99.100
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.950.900	3.950.900
- Cổ phiếu phổ thông	3.950.900	3.950.900
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÉP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

Số 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

d) Cổ tức

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	3.950.900.000	4.741.080.000
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	3.950.900.000	4.741.080.000
	3.950.900.000	4.741.080.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.573.110.036	2.159.695.839
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
	2.573.110.036	2.159.695.839

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	163.046.140.561	188.781.118.526
	163.046.140.561	188.781.118.526

Doanh thu đối với các bên liên quan

- CN Cảng Nhà Rồng KH	12.794.835.761	52.455.009.208
- CN Cảng Tân Thuận	13.829.379.935	48.067.066.425
- CN Cảng Tân Thuận 2	1.487.865.150	5.483.890.150
- CN Bà Rịa Vũng Tàu	-	583.364.600
- Công ty CP Cảng Sài Gòn	148.218.199	1.886.197.783
- Cửa hàng Khách tàu biển	12.490.184	43.836.112
	28.272.789.229	108.519.364.278

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	132.628.136.802	153.758.077.637
	132.628.136.802	153.758.077.637

CÔNG TY CỔ PHẦN XÉP ĐỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

Số 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long,

Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.014.682.251	894.185.363
Cổ tức, lợi nhuận được chia	52.932.394	157.500.000
	<u>1.067.614.645</u>	<u>1.051.685.363</u>

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	142.177.400	133.883.703
Chi phí nhân viên	10.805.202.136	13.399.671.711
Chi phí khấu hao tài sản cố định	569.621.992	497.514.892
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.256.516.066	2.340.301.947
Chi phí khác bằng tiền	3.654.002.569	5.674.425.482
	<u>16.427.520.163</u>	<u>22.045.797.735</u>

22 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập khác	11.447.703.576	1.065.493.971
	<u>11.447.703.576</u>	<u>1.065.493.971</u>

23 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí khác	242.110.231	322.000.429
	<u>242.110.231</u>	<u>322.000.429</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XẾP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒNSố 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh**24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.263.691.586	14.772.422.059
Các khoản điều chỉnh tăng	276.926.221	265.705.000
- Chi phí không hợp lệ	4.926.221	9.705.000
- Phụ cấp HDQT và BKS không chuyên trách	272.000.000	256.000.000
- ...	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	52.932.394	1.376.681.817
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	52.932.394	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	26.487.685.413	13.661.445.242
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.297.537.083	2.732.289.048

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	20.966.154.503	12.040.133.011
Các khoản điều chỉnh	1.033.535.492	1.204.013.301
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	1.033.535.492	1.204.013.301
- ...	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	19.932.619.011	10.836.119.710
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.950.900	3.950.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.045,00	2.743,00

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.643.462.134	4.247.595.881
Chi phí nhân công	83.898.654.489	76.713.059.007
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.115.008.026	4.742.095.264
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.284.371.522	67.807.429.437
Chi phí khác bằng tiền	21.256.262.623	22.293.695.783
	133.197.758.794	175.803.875.372

CÔNG TY CỔ PHẦN XẾP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

Số 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.408.218.855	-	21.774.221.835	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.941.162.034	-	30.112.185.259	-
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	15.000.000.000	-	4.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	2.120.000.000	-	1.620.000.000	-
	64.469.380.889	-	57.506.407.094	-
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			7.102.161.073	6.565.514.663
Chi phí phải trả			480.489.223	1.590.388.241
			7.582.650.296	8.155.902.904

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN XẾP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

Số 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.408.218.855	-	-	27.408.218.855
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.809.162.034	132.000.000	-	19.941.162.034
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	2.120.000.000	-	2.120.000.000
	<u>62.217.380.889</u>	<u>2.252.000.000</u>	<u>-</u>	<u>64.469.380.889</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.774.221.835	-	-	21.774.221.835
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.415.112.773	697.072.486	-	30.112.185.259
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	1.620.000.000	-	1.620.000.000
	<u>55.189.334.608</u>	<u>2.317.072.486</u>	<u>-</u>	<u>57.506.407.094</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XẾP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

Số 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	7.069.491.073	32.670.000	-	7.102.161.073
Chi phí phải trả	480.489.223	-	-	480.489.223
	<u>7.549.980.296</u>	<u>32.670.000</u>	<u>-</u>	<u>7.582.650.296</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	6.548.839.663	16.675.000	-	6.565.514.663
Chi phí phải trả	1.590.388.241	-	-	1.590.388.241
	<u>8.139.227.904</u>	<u>16.675.000</u>	<u>-</u>	<u>8.155.902.904</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh cung ứng các dịch vụ bốc xếp, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả kinh doanh và trong tổng tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực đại lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÉP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

Số 155 Đường số 8, khu Dân cư Nam Long,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017	Năm 2016
Giao dịch mua		VND	VND
Công ty CP Dịch vụ hàng hải Tân Hưng Phúc	Công ty liên kết	2.692.882.263	14.409.423.097
CN Bà Rịa Vũng Tàu	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	2.686.088.553	11.523.333.924
CN Cảng Nhà Rồng KH	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	6.793.710	51.180.915
CN Cảng Tân Thuận	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	-	453.499.245
CN Cảng Tân Thuận 2	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	-	99.824.517
Xí nghiệp lai dắt tàu biển	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	-	7.714.719
Công ty CP Cảng Sài Gòn	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	-	127.766.080
			2.146.103.697

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị	969.690.069	777.676.912
Thu nhập của Ban Giám đốc	579.295.269	556.894.836

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam kiểm toán.

Lê Dũng Hiệp
Người lập

Lê Dũng Hiệp
Kế toán trưởng



Phan Minh Trí
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2018